

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẮC NGỌC GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẮC NGỌC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAC NGOC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DACNGOC GROUP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108600066

**3. Ngày thành lập:** 24/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 154 Phố Vọng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính<br>Chi tiết: Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng bằng sáng chế, thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ | 7740     |
| 2.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                 | 8551     |
| 3.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                   | 8552     |
| 4.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                    | 9000     |
| 5.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết: không bao gồm hoạt động báo chí                                                                                                   | 6312     |
| 6.  | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                           | 7420     |
| 7.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                              | 5912     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                       | 8299     |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4761     |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4722     |
| 11. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Trừ quán bar, vũ trường                                                                                                  | 5630     |
| 12. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                      | 4782     |
| 13. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                          | 5920     |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                           | 7990     |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hoá                                                                                               | 4610     |
| 16. | In ấn                                                                                                                                                         | 1811     |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                   | 7410        |
| 18. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                               | 6311        |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6399        |
| 20. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Trữ quán bar, vũ trường                                                                                     | 9329        |
| 21. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                | 8532        |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch                                                                                                          | 5510        |
| 23. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4751        |
| 24. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                         | 7320        |
| 25. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền                                                                | 7490        |
| 26. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                         | 8219        |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                            | 7912        |
| 28. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể                                                  | 5590        |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(tổ chức sự kiện, tổ chức cuộc thi)                                                                                                 | 8230(Chính) |
| 30. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                             | 4641        |
| 31. | Quảng cáo                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 32. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                            | 8211        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4771        |
| 34. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                          | 2680        |
| 35. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video                                               | 5911        |
| 36. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                   | 6619        |
| 37. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                 | 4633        |
| 38. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4721        |
| 39. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                 | 5610        |
| 40. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới)                                                                    | 5621        |

|     |                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa                                                                          | 7911 |
| 42. | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa                                                       | 6612 |
| 43. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                | 7722 |
| 44. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                          | 7730 |
| 45. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng | 8559 |
| 46. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                 | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TRẦN ĐẮC NGỌC  | Số nhà 126, đường Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố 4B, Thị trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 90,000    | 063290069                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                           | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TRẦN TUẤN MINH | số nhà D602 chung cư Lâm Viên, tổ 8a, Phường Nam Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     | 063115489                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                           | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ THU UYÊN       | Số 32 tổ 15, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     | 012909732                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                           | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 26/10/1990      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 063290069

Ngày cấp: 12/02/2018      Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 126, đường Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố 4B,  
Thị Trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: *Số 154 Phố Vọng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội